

# 19 NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ NĂM HỘI ĐỒNG TỈNH KHÓA XVI, NHIỆM KỲ 2016 - 2021



Các đại biểu biểu quyết thông qua nghị quyết kỳ họp.

## NGHỊ QUYẾT

### VỀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội năm 2017, mục tiêu và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018 tỉnh Thái Bình; Báo cáo của các cơ quan bảo vệ pháp luật; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2017. Phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh Thái Bình, với các nội dung sau:

#### I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nâng cao chất lượng khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế; phát triển văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng chính quyền. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

#### II. CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

##### 1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt từ 9,5% trở lên so với năm 2017. Giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản tăng 2,7%; công nghiệp - xây dựng tăng 16,1%; dịch vụ tăng 8% trở lên so với năm 2017.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 13%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 11%.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 8,5% so với năm 2017. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 13.858,1 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 6.391,5 tỷ đồng.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng 10% trở lên so

với số xã được công nhận đạt chuẩn năm 2017 và 100% số xã đến kỳ công nhận lại đạt chuẩn theo tiêu chí mới.

- Mức giảm tỷ lệ sinh khoảng 0,1‰. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64%, trong đó đào tạo nghề đạt 50%. Tạo việc làm mới cho khoảng 33.000 người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 0,5% trở lên so với năm 2017. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 83%; có 87,5% gia đình đạt chuẩn văn hóa. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) dưới 13%. Số giường bệnh/vạn dân đạt 33 giường. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 86%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó 80% dân số trở lên sử dụng nước sạch sinh hoạt); tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch sinh hoạt đạt 100%. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn ở đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 87%.

##### 2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a) Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp ngay từ cuối năm 2017 theo các Đề án đã được phê duyệt, bảo đảm thời vụ và cơ cấu giống; trước mắt thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất đã ban hành, bảo đảm sản xuất thắng lợi vụ đông, vụ xuân nhằm bù đắp thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trong năm 2017; phấn đấu diện tích cây màu vụ xuân trên 13.800ha, cây vụ đông đạt trên 36.000ha; giữ vững ổn định năng suất lúa đạt trên 13 tấn/ha/năm, sản lượng lương thực đạt trên 1 triệu tấn. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích người dân tích cực thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất, gắn với triển khai thực hiện Đề án Thí điểm tích tụ đất đai, phục vụ thu hút đầu tư sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho chăn nuôi lợn, tái đàn gia súc, gia cầm và tái cơ cấu giống vật nuôi, phù hợp với yêu cầu thị trường. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng tăng trưởng cao, bền vững; đẩy mạnh đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản. Chủ động các biện pháp phòng, chống, kiểm tra, kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, thủy hải sản nuôi trồng.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới, bảo đảm thực chất, không chạy theo thành tích, gắn với thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo quy định của Chính phủ và của tỉnh, phù hợp với khả năng, nguồn lực của địa phương. Chỉ

đạo rà soát, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã được công nhận đạt chuẩn; đồng thời, chú trọng việc duy tu, quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình đã được đầu tư xây dựng và xử lý dứt điểm nợ công trong xây dựng cơ bản. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra; trong đó, vừa chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới, đồng thời quan tâm tổ chức lại, đổi mới phương thức sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương hỗ trợ xi măng cho các công trình nhóm 1 của các xã chưa về đích và hỗ trợ bằng tiền cho các xã đang ký về đích theo quy định đến hết năm 2020. Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng nông thôn mới theo quy định. Các huyện, thành phố tiến hành rà soát, xác định chính xác nợ công và phương án xử lý ở mỗi cấp (nhất là cấp xã) ở thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 để làm căn cứ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện ở các địa phương. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân đấu nối, sử dụng nước sạch, phấn đấu bình quân toàn tỉnh đạt 80% trở lên; quản lý chặt chẽ chất lượng nước sạch, đảm bảo đúng quy định; thực hiện nghiêm túc 6 nội dung công khai theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để nhân dân biết, giám sát, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của người dân.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ; phải xác định đây là yếu tố quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành Công Thương và các quy hoạch phát triển ngành đã phê duyệt. Duy trì thực hiện tốt cơ chế đối thoại với doanh nghiệp (theo nhóm ngành nghề, lĩnh vực), kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc một cách thực chất cho doanh nghiệp. Thực hiện tốt các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa; triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý thị trường, chống buôn lậu và gian lận thương mại, nhất là các hàng hóa, vật tư thiết yếu, chiến lược, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành lập quy hoạch chung khu kinh tế Thái Bình, trình Chính phủ phê duyệt; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định 36/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thành lập khu kinh tế; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh đến năm 2020; hoàn thành quy hoạch phân khu và đơn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu công nghiệp mới (khu công nghiệp Thụy Trường, khu công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp tại huyện Quỳnh Phụ...). Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng bảo đảm đúng, đủ về trình tự và thủ tục theo quy định; đặc biệt chú trọng tập trung xử lý nợ công và nợ đọng trong xây dựng cơ bản theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh; triển khai thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản bằng nguồn quỹ xi măng xây dựng nông thôn mới tạm thời chưa sử dụng (sau khi đã cân đối kế hoạch phân bổ cho các địa phương đăng ký đề nghị hỗ trợ đến hết năm 2018) theo đúng Kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 17. Thực hiện quyết liệt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn, đã có chủ trương đầu tư.

- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách nhà nước (nhất là thu thuế, phí, lệ phí) ngay từ đầu năm 2018, phấn đấu thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán được giao; tổ chức khai thác tốt các nguồn thu; động viên, khuyến khích và giám sát các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kê khai, nộp thuế tại tỉnh; chú trọng khai thác các nguồn thu còn tiềm năng (như: thuế tài nguyên, thuế xây dựng cơ bản các dự án đầu tư của các doanh nghiệp, tiền thuê đất...). Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế và hoàn thuế; cương quyết áp dụng các biện pháp xử lý và cưỡng chế nợ thuế đối với những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chây ì nộp thuế. Thực hiện điều hành ngân sách trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp và dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm chi tiêu dùng thường xuyên, tăng nguồn lực cho đầu tư phát triển và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.



- Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Thái Bình đến năm 2020 và những năm tiếp theo; chỉ đạo sâu sát, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, đồng thời tăng cường các giải pháp chỉ đạo, điều hành về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để tăng cường thu hút đầu tư phát triển...

b) Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao và thông tin, truyền thông; tiếp tục thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực này. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng, thường xuyên thực hiện công tác bảo trợ xã hội và bảo đảm an sinh xã hội.

c) Triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên. Chủ động thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống lụt bão năm 2018 theo phương châm "Bốn tại chỗ".

d) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án cải cách hành chính; tiếp tục rà soát, đánh giá, đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính không còn phù hợp và rút ngắn thời gian giải quyết mỗi thủ tục hành chính so với quy định hiện hành. Tăng cường chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; duy trì, thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân; xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ việc mới phát sinh. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị gắn với việc kiểm tra, giám sát của cấp trên đối với cấp dưới và việc kiểm điểm, xem xét trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, đột xuất, bất ngờ. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và bảo đảm an toàn giao thông.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia giám sát và động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Báo cáo số 114/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm 2016; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương tỉnh Thái Bình năm 2016 như sau:

1. Tổng thu ngân sách địa phương:	21.616.292.272.773 đồng.
Trong đó thu ngân sách cấp tỉnh:	11.823.554.424.592 đồng.
2. Tổng chi ngân sách địa phương:	21.499.818.310.549 đồng.
Trong đó chi ngân sách cấp tỉnh:	11.806.652.539.743 đồng.
3. Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương:	116.473.962.224 đồng.
Trong đó chênh lệch thu, chi ngân sách cấp tỉnh:	16.901.884.849 đồng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Xét Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Thái Bình năm 2018 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	7.241.500 triệu đồng.
Trong đó:	
- Thu nội địa:	6.391.500 triệu đồng.
- Thu thuế xuất, nhập khẩu:	850.000 triệu đồng.
2. Tổng thu ngân sách địa phương (không kể ghi thu, ghi chi):	11.657.773 triệu đồng.
Trong đó:	
- Thu nội địa được cân đối:	5.041.100 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	6.469.420 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018 để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành:	147.253 triệu đồng.
3. Tổng chi ngân sách địa phương quản lý:	11.527.573 triệu đồng.
a) Phân bổ chi ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách:	
- Chi ngân sách cấp tỉnh:	4.603.437 triệu đồng.
- Chi ngân sách cấp huyện:	5.107.035 triệu đồng.
- Chi ngân sách cấp xã:	1.817.101 triệu đồng.
b) Phân bổ chi ngân sách địa phương cho các lĩnh vực:	
- Chi phát triển kinh tế:	4.590.771 triệu đồng.
+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	3.566.646 triệu đồng.



Dây chuyền sản xuất đồ điện gia dụng của Công ty Điện cơ Aidi.





+ Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường: 260.230 triệu đồng.  
 + Chi trợ giá: 15.500 triệu đồng.  
 + Chi sự nghiệp kinh tế: 748.395 triệu đồng.  
 - Chi tiêu dùng thường xuyên: 6.538.481 triệu đồng.  
 - Chi trả lãi và phí tiền vay của chính quyền cấp tỉnh: 3.900 triệu đồng.  
 - Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.450 triệu đồng.  
 - Chi dự phòng ngân sách: 192.830 triệu đồng.  
 - Chi Chương trình mục tiêu quốc gia: 200.141 triệu đồng; trong đó: Chi trả nợ vay Ngân hàng Phát triển thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn 83.800 triệu đồng.

c) Phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh: 4.603.437 triệu đồng.  
 - Chi phát triển kinh tế: 2.402.099 triệu đồng.  
 + Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 1.865.422 triệu đồng.  
 + Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường: 94.998 triệu đồng.  
 + Chi trợ giá: 15.500 triệu đồng.  
 + Chi sự nghiệp kinh tế: 426.179 triệu đồng.  
 - Chi tiêu dùng thường xuyên: 1.851.976 triệu đồng.  
 - Chi trả lãi và phí tiền vay của chính quyền cấp tỉnh: 3.900 triệu đồng.  
 - Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.450 triệu đồng.  
 - Chi dự phòng ngân sách: 143.871 triệu đồng.  
 - Chi Chương trình mục tiêu quốc gia: 200.141 triệu đồng; trong đó: Chi trả nợ vay Ngân hàng Phát triển thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn 83.800 triệu đồng.

4. Bội thu ngân sách địa phương cấp tỉnh (Chi trả nợ vay Ngân hàng Phát triển thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn): 130.200 triệu đồng.

Phân bổ dự toán chi cho các ngành, địa phương và các đơn vị thụ hưởng ngân sách (có phụ lục kèm theo).

Ngân sách các cấp tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2018 từ một phần nguồn thu của cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) và nguồn cải cách tiền lương năm 2017 còn dư chuyển sang (nếu có) để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính.

Căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản pháp luật có liên quan quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công theo các lĩnh vực; Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh xác định phân giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình điều hành nếu phát sinh những vấn đề ngoài dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết và các nguồn vốn bổ sung chưa được phân bổ chi tiết cho từng danh mục dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh thông nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ kịp thời và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2018 - 2020

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
 Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
 Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
 Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
 Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2018 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2018 - 2020.

a) Mục tiêu:

Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và cơ cấu lại nền kinh tế.

b) Định hướng:

- Tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách làm cơ sở đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có tính kết nối và lan tỏa vùng, miền; khai thác tối đa, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư;

- Việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2018 - 2020 đầu tư cho các ngành, lĩnh vực, các chương trình phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2017 - 2020.

- Khởi động đầu tư một số dự án hạ tầng quan trọng, hiện đại, phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp dịch vụ tạo nền tảng cho tỉnh tiếp tục phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý vốn đầu tư cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện mục tiêu của các địa phương cũng như góp phần hoàn thành mục tiêu chung phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

2. Tổng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2018 - 2020 là: 1.645,275 tỷ đồng, gồm:



a) Thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh: 400 tỷ đồng, cụ thể:  
 - Đối ứng các dự án ODA, NGO: 90 tỷ đồng;  
 (Chi tiết tại Biểu 01).  
 - Thanh toán trả nợ Dự án Cải tạo, nâng cấp đường 39B từ thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy: 200 tỷ đồng.  
 - Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc chương trình nước sạch nông thôn: 50 tỷ đồng.  
 - Sửa chữa lớn: 30 tỷ đồng.  
 - Vốn chuẩn bị đầu tư: 15 tỷ đồng.  
 - Bổ sung nhiệm vụ quy hoạch: 15 tỷ đồng.  
 b) Phân bổ chi tiết cho các công trình: 1.245,275 tỷ đồng, cụ thể:  
 - Bố trí đối ứng các dự án sử dụng ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu 662,028 tỷ đồng (trong đó thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh 90,101 tỷ đồng), gồm:  
 + 09 Công trình hoàn thành hết hạn mức trung ương hỗ trợ: 227,028 tỷ đồng  
 + 12 Công trình chuyển tiếp: 317 tỷ đồng;  
 + Bố trí đối ứng các dự án khởi công mới ngân sách trung ương: 118 tỷ đồng;  
 (Chi tiết biểu số 02)  
 - Bố trí cho các công trình cấp tỉnh: 583,247 tỷ đồng, trong đó:  
 + Bố trí cho 20 công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán thuộc tỉnh quản lý: 89,445 tỷ đồng.  
 (Chi tiết biểu số 03)  
 + Còn lại 493,802 tỷ đồng, trong đó:  
 Thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh 51,616 tỷ đồng dự án đường vành đai phía Nam, đường từ nút giao xã Vũ Đông đến nút giao quốc lộ 10 xã Đông Mỹ (từ cọc C51 đến nút giao quốc lộ 10).

Bố trí cho 03 công trình trọng điểm của tỉnh: Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thái Bình: 20 tỷ đồng; dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình quy mô 1.000 giường (giai đoạn 2): 20 tỷ đồng; dự án đầu tư xây dựng công trình khu cảng và dịch vụ cảng cụm công nghiệp, khu du lịch nghỉ dưỡng vui chơi giải trí tại khu kinh tế Thái Bình thuộc xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy (Hợp phần A: Nạo vét luồng tàu biển, xây kè công trình bảo vệ tàu, hạ tầng kỹ thuật và giao thông đến hàng rào cảng): 10 tỷ đồng.

Phân bổ còn lại, các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết và các nguồn vốn bổ sung khác giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho các công trình dự án.

(Chi tiết biểu số 04)

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách tỉnh giai đoạn 2018 - 2020:

Để huy động nguồn lực, tập trung thực hiện mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2018 - 2020. Tăng cường kiểm soát thanh toán, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo quyết toán đối với các công trình hoàn thành theo quy định của Nhà nước.

b) Tập trung xử lý nợ xây dựng cơ bản, chủ động áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời để không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, không phê duyệt dự án đầu tư khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, không triển khai đấu thầu khi dự án chưa được bố trí vốn đầu tư, xác định tiến độ của dự án phù hợp với khả năng bố trí vốn, kiên quyết không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản.

c) Thực hiện việc rà soát các dự án chuyển tiếp và khởi công mới, cắt giảm các hạng mục công trình chưa thật cần thiết, điều chỉnh quy mô, dân tiến độ thực hiện đến điểm dừng hợp lý để có nguồn tập trung cho các hạng mục, các dự án thật sự cấp thiết hoàn thành đi vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

d) Thực hiện xã hội hóa đầu tư, tích cực thu hút đầu tư các nguồn vốn theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tăng cường vận động, làm việc với các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn ODA, NGO nhằm huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

e) Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn cho các chủ đầu tư, đơn vị thi công trong triển khai thực hiện kế hoạch. Tăng cường rà soát, nắm chắc đối tượng và các nguồn thu ngân sách trên địa bàn; tích cực khai thác các nguồn thu còn tiềm năng, phấn đấu tăng thu ngân sách để có nguồn bổ sung cho đầu tư phát triển.

g) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư việc thực hiện dự án và tiến độ giải ngân các nguồn vốn, kịp thời ngăn chặn và kiên quyết xử lý những sai phạm trong đầu tư xây dựng cơ bản ngay từ khi mới phát sinh.

h) Thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 và Nghị định 63/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ. Triển khai bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, chuyên môn để nâng cao năng lực quản lý đầu tư cho các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án, đội ngũ cán bộ, công chức đặc biệt là cán bộ, công chức cơ sở.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách của tỉnh, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh triển khai kế hoạch đầu tư công hàng năm cho phù hợp tình hình thực tế.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp quy hoạch năm 2018

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Báo cáo số 118/BC-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2018 với tổng số vốn là: 2.747,346 tỷ đồng, vốn sự nghiệp quy hoạch: 10 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn trái phiếu Chính phủ: 250 tỷ đồng bố trí cho Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến đường liên tỉnh nối đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đoạn trên địa phận tỉnh Thái Bình và cầu La Tiến.

2. Vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 291 tỷ đồng, bố trí cho 08 chương trình, cụ thể:  
 - Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng: 192,726 tỷ đồng.  
 - Chương trình đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp: 10 tỷ đồng.  
 - Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững: 14,274 tỷ đồng.  
 - Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư: 41 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu dân số - y tế: 04 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa: 15 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch: 05 tỷ đồng.



Cầu vượt sông Trà Lý.



- Chương trình mục tiêu giáo dục - việc làm và an toàn lao động: 09 tỷ đồng.

(Chi tiết biểu số 01)

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn chỉnh kế hoạch theo ý kiến thẩm định, sau khi có quyết định chính thức, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

3. Vốn đầu tư nước ngoài (ODA): 240,138 tỷ đồng, trong đó Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: 102,079 tỷ đồng.

(Chi tiết biểu số 02)

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn chỉnh kế hoạch theo ý kiến thẩm định, sau khi có quyết định chính thức, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

4. Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công: 712,348 tỷ đồng, hỗ trợ thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

5. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 136,2 tỷ đồng, trả vay Ngân hàng Phát triển 83,8 tỷ đồng thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, phần còn lại giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

6. Vốn cân đối ngân sách địa phương: 896,596 tỷ đồng, trong đó:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh: 75 tỷ đồng, gồm:

- Đối ứng các dự án ODA: 35 tỷ đồng;

(Chi tiết biểu số 03)

- Thanh toán trả nợ Dự án Cải tạo, nâng cấp đường 39B từ thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy: 10 tỷ đồng;

- Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc chương trình nước sạch nông thôn: 10 tỷ đồng;

- Sửa chữa lớn: 10 tỷ đồng;

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 05 tỷ đồng;

- Bổ sung nhiệm vụ quy hoạch: 05 tỷ đồng.

b) Phân bổ chi tiết cho các dự án: 821,596 tỷ đồng, bố trí như sau:

\* Bố trí đối ứng các dự án sử dụng ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu 417 tỷ đồng (trong đó thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh 90,101 tỷ đồng), gồm:

- 08 công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán: 190 tỷ đồng;

- 10 dự án chuyển tiếp sang năm 2018: 140 tỷ đồng;

- 10 dự án khởi công mới sử dụng ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu năm 2018: 87 tỷ đồng.

(Chi tiết biểu số 04)

\* Bố trí cho các dự án thuộc cấp tỉnh quản lý: 404,596 tỷ đồng, (trong đó thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh 51,616 tỷ đồng), gồm:

- Bố trí cho 08 công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán thuộc tỉnh quản lý: 31,263 tỷ đồng;

(Chi tiết biểu số 05)

- Bố trí cho các công trình chuyển tiếp và khởi công mới: 373,333 tỷ đồng, gồm:

+ 19 công trình lĩnh vực Giao thông - công nghiệp: 202,116 tỷ đồng;

+ 09 công trình lĩnh vực Nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản: 34,4 tỷ đồng;

+ 04 công trình lĩnh vực y tế: 21,5 tỷ đồng;

+ 07 công trình lĩnh vực giáo dục đào tạo: 18 tỷ đồng;

+ 10 công trình lĩnh vực văn hóa - xã hội: 55,5 tỷ đồng;

+ 07 công trình lĩnh vực an ninh, quốc phòng, quản lý nhà nước: 26,317 tỷ đồng;

+ Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ khác: 15,5 tỷ đồng.

(Chi tiết biểu số 06)

7. Vốn quy hoạch: 15 tỷ đồng (gồm: 10 tỷ đồng vốn sự nghiệp quy hoạch, 05 tỷ đồng bổ sung từ vốn đầu tư) được phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ quy hoạch của tỉnh.

(Chi tiết biểu số 07)

8. Vốn đầu tư phát triển phân cấp cho cấp huyện: 221,064 tỷ đồng, cụ thể:

- Thành phố Thái Bình: 15,724 tỷ đồng;

- Huyện Quỳnh Phụ: 29,095 tỷ đồng;

- Huyện Hưng Hà: 29,024 tỷ đồng;

- Huyện Đông Hưng: 30,200 tỷ đồng;

- Huyện Thái Thụy: 35,085 tỷ đồng;

- Huyện Tiên Hải: 28,406 tỷ đồng;

- Huyện Kiến Xương: 27,657 tỷ đồng;

- Huyện Vũ Thư: 25,873 tỷ đồng.

9. Các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, các nguồn vốn bổ sung: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến phân bổ, báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục phân bổ chi tiết, triển khai thực hiện.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Điều chỉnh chế độ hỗ trợ cho công chức làm việc tại Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện và công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chế độ hỗ trợ cho công chức làm việc tại Trung tâm hành chính công; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh chế độ hỗ trợ cho công chức làm việc tại Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện và công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

1. Về chế độ hỗ trợ:

Công chức làm việc tại Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện được điều chỉnh chế độ hỗ trợ từ 400.000 đồng/người/tháng lên 1.100.000 đồng/người/tháng;

Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã, phường, thị trấn được điều chỉnh chế độ hỗ trợ từ 200.000 đồng/người/tháng lên 300.000 đồng/người/tháng.

2. Về số lượng: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

3. Chế độ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chế độ hỗ trợ cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt điều chỉnh định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện giai đoạn 2018 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

Xét Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện giai đoạn 2018 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện giai đoạn 2018 - 2020 như sau:

1. Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, Bệnh viện Phong da liễu Văn Môn; Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương do ngân sách nhà nước đảm bảo; hoạt động đặc thù xem xét riêng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Phụ sản; Bệnh viện Nhi; Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng; Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà; Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân; Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng; Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phụ; Bệnh viện Đa khoa Phụ Dục; Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy; Bệnh viện Đa khoa Thái Ninh; Bệnh viện Đa khoa Tiên Hải; Bệnh viện Đa khoa Nam Tiên Hải; Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương; Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư; Bệnh viện Đa khoa



Giao dịch tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.



thành phố Thái Bình: Kết cấu 100% tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương vào giá dịch vụ khám chữa bệnh theo quy định; kinh phí hoạt động của đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp.

**Điều 2.** Nguồn kinh phí giảm chi so với dự toán chi ngân sách năm 2017 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện tại Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương do cơ cấu lại, ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ theo nguyên tắc sau:

1. Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội cho đối tượng thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo, người tham gia hoạt động kháng chiến (Cựu chiến binh B, C, K, thanh niên xung phong) và các đối tượng khác theo quy định hiện hành của Nhà nước;

2. Trích quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo hàng năm theo Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 về khám chữa bệnh cho người nghèo và Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 1 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg;

3. Bố trí nguồn cho nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh;

4. Dự phòng nguồn hỗ trợ cho các bệnh viện để trả lương, các khoản có tính chất lương, phụ cấp nếu nguồn thu từ giá dịch vụ khám chữa bệnh không bảo đảm và thực hiện cải cách tiền lương khi nhà nước điều chỉnh mức tiền lương cơ sở;

5. Nguồn còn lại bố trí cho nhiệm vụ cấp bách của ngành Y tế, Mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất của ngành Y tế.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế ý 1, ý 2, ý 3 Điểm d, Khoản 2, Mục B, Phần II phụ lục kèm theo Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương.

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau:

1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát những vấn đề có liên quan phục vụ hoạt động giám sát, phản biện xã hội: Thực hiện



Các đại biểu biểu quyết thông qua nghị quyết kỳ họp.

theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

2. Chi tổ chức hội nghị:

a) Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo, ngoài các khoản chi theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND được chi một số khoản sau:

- Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh, cấp huyện 120.000 đồng/người/cuộc họp; cấp xã 100.000 đồng/người/cuộc họp;

- Thành viên tham dự cuộc họp: Do cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức 100.000 đồng/người/cuộc họp; do cấp xã tổ chức 70.000 đồng/người/cuộc họp;

- Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng: Hội nghị ở cấp tỉnh 200.000 đồng/bài viết; cấp huyện, cấp xã 100.000 đồng/bài viết.

3. Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập trong trường hợp nội dung giám sát, phản biện xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn phức tạp.

a) Đối tượng áp dụng: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

b) Số lượng thuê chuyên gia: Không quá 05 chuyên gia;

c) Mức chi: 1.000.000 đồng/01 báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.

4. Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị:

Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000

đồng/người/ngày; các thành viên khác: 70.000 đồng/người/ngày.

5. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội, văn bản kiến nghị (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao; tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý):

a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/01 báo cáo hoặc văn bản;

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/01 báo cáo hoặc văn bản;

c) Cấp xã: 500.000 đồng/01 báo cáo hoặc văn bản.

6. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội: Trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực tế triển khai công việc, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo tiết kiệm hiệu quả.

**Điều 2.** Nguồn kinh phí để thực hiện

1. Ngân sách các cấp cân đối trong dự toán của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.



Diện mạo nông thôn mới ở Hồng Minh (Hưng Hà).





## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;  
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 225/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục 2.623 dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2018; diện tích đất cần thu hồi là 5.737,1 ha (có danh mục chi tiết dự án cần thu hồi đất kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện

các dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt việc chuyển mục đích sử dụng 1.229,07ha đất (đất trồng lúa 1.225,50ha, đất rừng phòng hộ 3,57ha) để thực hiện 1.182 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2018 (có danh mục chi tiết các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Chấp thuận chủ trương triển khai thực hiện Đề án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của Dự án Nâng bãi ổn định đê biển số 8 từ km 26+700 đến km 31+700 huyện Thái Thụy kết hợp tạo mặt bằng để phát triển công nghiệp - dịch vụ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Xét Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương triển khai thực hiện Đề án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của Dự án Nâng bãi ổn định đê biển số 8 từ km 26+700 đến km 31+700 huyện Thái Thụy kết hợp tạo mặt bằng để phát triển công nghiệp - dịch vụ; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Chấp thuận chủ trương triển khai thực hiện Đề án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của Dự án Nâng bãi ổn định đê biển số 8 từ km 26+700 đến km 31+700 huyện Thái Thụy kết hợp tạo mặt bằng để phát triển công nghiệp - dịch vụ, với các nội dung sau:

1. Tên Đề án: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Nâng bãi ổn định đê biển số 8 từ km 26 +700 đến km 31+700 huyện Thái Thụy kết hợp tạo mặt bằng để phát triển công nghiệp - dịch vụ.

2. Nguyên tắc chỉ đạo:  
- Việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phải tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Bảo đảm đúng và đầy đủ các quyền lợi hợp pháp của các đối tượng bị thu hồi đất khi thực hiện giải phóng mặt bằng;



- Thông qua cơ chế bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để tạo sự đồng thuận của người dân khi thực hiện thu hồi đất; đồng thời tạo điều kiện, cơ hội việc làm và thu nhập ổn định cho các đối tượng bị ảnh hưởng.

3. Mục tiêu của Đề án: Lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nuôi trồng thủy sản ven biển để xây dựng chính sách đặc thù trong giải phóng mặt bằng Dự án Nâng bãi ổn định đê biển số 8 huyện Thái Thụy để tạo quỹ đất phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ trên diện tích bãi triều của 2 xã Thụy Xuân, Thụy Hải, tạo điều kiện ổn định đời sống, việc làm cho các đối tượng bị thu hồi đất.

4. Nội dung chính của Đề án: Dự án sẽ thu hồi 151,76ha đất nuôi trồng thủy sản của 355 hộ dân xã Thụy Xuân và xã Thụy Hải (Thụy Xuân 57 hộ, Thụy Hải 298 hộ) và liên quan đến việc làm của 869 lao động (Thụy Xuân 164 người, Thụy Hải 705 người).

5. Đối tượng, kinh phí bồi thường hỗ trợ  
Kinh phí để thực hiện Đề án: Dự kiến khoảng 199,1 tỷ đồng với đối tượng hỗ trợ và các khoản chi phí cụ thể như sau:

a) Đối tượng, kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành khi nhà nước thu hồi 151,76ha đất nuôi trồng thủy sản của 355 hộ dân xã Thụy Xuân và xã Thụy Hải khoảng 137 tỷ đồng, bao gồm:

- Chi phí bồi thường công trình giao thông, thủy lợi và công trình khác: 97,8 tỷ đồng;
- Chi phí bồi thường tài sản trên đất: 18,8 tỷ đồng;
- Chi phí bồi thường vật nuôi thủy sản: 20,2 tỷ đồng;
- Chi phí hoàn trả lại tiền thuê đất còn lại của 15 hộ (7 năm) đối với 9ha: 0,2 tỷ đồng.

b) Đối tượng, kinh phí hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi 151,76ha đất nuôi trồng thủy sản của 355 hộ dân xã Thụy Xuân và xã Thụy Hải khoảng 39,2 tỷ đồng, bao gồm:

- Hỗ trợ gạo ổn định đời sống và sản xuất: 5,7 tỷ đồng;
  - Hỗ trợ đào tạo: 7,4 tỷ đồng;
  - Hỗ trợ Bảo hiểm y tế: 3,6 tỷ đồng;
  - Hỗ trợ 20% tài sản trên đất đối với 340 hộ đã hết thời hạn thuê đất: 4,5 tỷ đồng;
  - Hỗ trợ 50% vật nuôi là thủy sản đối với 340 hộ đã hết thời hạn thuê đất: 18 tỷ đồng.
- c) Kinh phí tổ chức thực hiện công tác giải phóng mặt bằng: Khoảng 5,3 tỷ đồng;  
d) Kinh phí dự phòng: Khoảng 17,6 tỷ đồng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia giám sát và động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVI KỶ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 9 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau: Mức hỗ trợ 06 triệu đồng/Ban/năm (Trong đó: Hỗ trợ thêm 04 triệu đồng/Ban/năm ngoài mức hỗ trợ đã được kết cấu trong định mức phân bổ chi thường xuyên hoạt động quản lý hành chính nhà nước cấp xã theo ý b) Điểm b Khoản 10 Mục D Phần II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt định



Các đại biểu biểu quyết thông qua nghị quyết kỳ họp.

mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 các cấp ngân sách của chính quyền địa phương).

Nguồn kinh phí thực hiện: Căn đối trong dự toán chi ngân sách cấp xã theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

## NGHỊ QUYẾT

### Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVI KỶ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc thông qua “Điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh”; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tên gọi “Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020” thành: “Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.”

2. Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2011 - 2020 đã phê duyệt tại Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành “Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”, với các chỉ tiêu được điều chỉnh, bổ sung như sau:

a) Diện tích nhà ở bình quân đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

(Đơn vị tính: m<sup>2</sup>/người)

Khu vực	Diện tích nhà ở bình quân đến năm 2020 (theo NQ số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14/12/2011)	Điều chỉnh diện tích nhà ở bình quân đến năm 2020	Định hướng diện tích nhà ở bình quân đến năm 2025
Toàn tỉnh	25,0	28,1	33,1
Đô thị	29,0	31,8	37,2
Nông thôn	22,0	26,5	31,3

b) Chất lượng nhà ở: Định hướng đến năm 2025: Nhà ở kiên cố 100%; Bán kiên cố 0%.



Tòa nhà DAMSAN TOWER (thành phố Thái Bình)





Các đại biểu biểu quyết thông qua nghị quyết kỳ họp.

c) Diện tích tăng thêm của các loại hình nhà ở:

- Đến năm 2020: Tổng diện tích các loại nhà ở trên địa bàn toàn tỉnh tăng thêm là:  $(59.131.720 - 43.508.638) = 15.623.082m^2$ ;

- Định hướng đến năm 2025 (từ năm 2021 đến năm 2025): Tổng diện tích các loại nhà ở trên địa bàn toàn tỉnh tăng thêm là:  $(76.329.474 - 59.131.720) = 17.197.754m^2$ .

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

d) Quỹ đất tăng thêm

- Đến năm 2020: Tổng diện tích đất thực hiện dự án phát triển nhà ở trên địa bàn toàn tỉnh là: 5.935ha (làm tròn), trong đó: Đô thị 2.007,44ha, nông thôn 3.927,12ha.

- Đến năm 2025 (từ năm 2021 đến năm 2025): Tổng diện tích đất thực hiện dự án phát triển nhà ở trên địa bàn toàn tỉnh là: 6.771ha (làm tròn), trong đó: Đô thị 2.290,38ha, nông thôn 4.480,63ha.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

đ) Nhu cầu về nguồn vốn phát triển nhà ở

- Đến năm 2020, dự kiến vốn đầu tư xây dựng các loại nhà ở của toàn tỉnh là 136.551 tỷ đồng. Trong đó, dự kiến nguồn vốn như sau:

Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công là 712,3 tỷ đồng.  
Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo là 11,8 tỷ đồng;  
Còn lại là vốn xã hội hóa của doanh nghiệp và người dân.

- Đến năm 2025, dự kiến vốn đầu tư xây dựng các loại nhà ở của toàn tỉnh là 151.152 tỷ đồng. Do giai đoạn này chưa có chính sách hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng theo chương trình mục tiêu nên chưa tính đến vốn ngân sách.

e) Chỉ tiêu phát triển nhà ở của các đơn vị hành chính đến năm 2020 định hướng đến năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

g) Các chỉ tiêu khác: Thực hiện theo Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt tại Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Định hướng và các giải pháp chủ yếu

a) Định hướng phát triển nhà ở

Định hướng phát triển nhà ở theo thứ tự ưu tiên: Thành phố Thái Bình là đô thị trung tâm toàn vùng; các đô thị được quy hoạch đô thị loại IV, các đô thị thuộc vùng quy hoạch phát triển khu công nghiệp và khu kinh tế, đô thị trung tâm cấp huyện và nhà ở tại khu vực nông thôn.

- Đối với thành phố Thái Bình là đô thị trung tâm toàn vùng, định hướng xây dựng mới một số khu nhà ở thương mại cao tầng kết hợp nhà ở thấp tầng tạo điểm nhấn và định hướng chi tiết cho phát triển không gian đô thị chung. Thực hiện di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực đô thị.

- Đối với các khu đô thị thuộc vùng quy hoạch phát triển khu công nghiệp và khu kinh tế định hướng phát triển nhà ở thương mại thấp tầng với hạ tầng đồng bộ đi kèm nhà ở xã hội cho lực lượng lao động dịch chuyển và nhà ở xã hội cho công nhân thuê.

- Đối với thị trấn Diêm Điền và khu du lịch Đông Châu, Cồn Vành có tính chất chuyên ngành là đô thị công nghiệp, thương mại, dịch vụ, vận tải, hàng hải, du lịch sinh thái cảnh quan và các ngành kinh tế thu lợi từ biển. Định hướng phát triển nhà ở khu vực này phát triển các dự án nhà ở thấp tầng, nhà ở kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Đối với các khu đô thị khác thực hiện theo quy hoạch vùng tỉnh, Chương trình phát triển đô thị và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Các giải pháp chủ yếu

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND, ngoài ra cần tăng cường các giải pháp sau:

\* Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách: Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, nhà ở thương mại và nhà ở xã hội theo quy định của Nhà nước.

\* Giải pháp về đất ở:

- Dành quỹ đất cho việc phát triển nhà ở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, bảo đảm quỹ đất, quỹ nhà ở để bố trí tái định cư phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị.

- Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt gắn với quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

\* Giải pháp về quy hoạch kiến trúc:

- Về quy hoạch xây dựng:

Đẩy nhanh việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, đảm bảo quy hoạch đi trước một bước, phát triển nhà ở đô thị, điểm dân cư nông thôn một cách hài hòa, kết hợp hiện đại và truyền thống trên cơ sở quy hoạch chung được phê duyệt.

Đối với khu vực quy hoạch phát triển đô thị chú trọng phát triển nhà ở theo dự án, bảo đảm việc phát triển nhà ở được xây dựng đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Tại các điểm dân cư nông thôn: Từng bước thực hiện phát triển nhà ở theo quy hoạch; hình thành các điểm dân cư nông thôn có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đảm bảo phù hợp mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Về kiến trúc nhà ở:

Việc phát triển nhà ở tại các đô thị phải tuân thủ các quy định về thiết kế đô thị được phê duyệt và các quy định hiện hành về quản lý đô thị.

Đối với nhà ở nông thôn: Chú trọng kiến trúc truyền thống.

\* Giải pháp về khoa học công nghệ:

Khuyến khích áp dụng công nghệ xây dựng hiện đại và sử dụng các loại vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, vật liệu tái chế thích hợp, nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành nhà ở và rút ngắn thời gian xây dựng; lựa chọn mô hình nhà ở sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng.

\* Giải pháp về vốn:

- Cân đối nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, nguồn thu từ giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất phát triển nhà ở.

- Các sở, ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động đề xuất, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận dự án phát triển nhà ở có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ để lựa chọn các nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Chú trọng vận động và xây dựng kế hoạch hợp lý để huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư tham gia đầu tư xây dựng các tuyến hạ tầng kỹ thuật ở khu phố, khu dân cư.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;  
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với nội dung chủ yếu sau:

##### 1. Quan điểm phát triển

- Phát triển du lịch Thái Bình bảo đảm theo hướng bền vững, hiệu quả, chuyên nghiệp, chất lượng, có chiều sâu, có sức hấp dẫn cao để góp phần đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế khác và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phát triển đa dạng hóa sản phẩm du lịch, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát triển các sản phẩm đặc trưng, khai thác các lợi thế về truyền thống văn hóa, đặc điểm sinh thái địa phương.



Lễ hội chùa Keo (xã Dục Nhất, huyện Vũ Thư).





Lễ nước nước tại lễ hội đền Trần (xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà).

- Phát triển du lịch Thái Bình đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với du lịch các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, đặc biệt với các trung tâm du lịch lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình... để phát huy lợi thế về vị trí cũng như những giá trị đặc trưng về sản phẩm du lịch.

- Duy trì phát triển du lịch tâm linh để tăng cường thu hút khách du lịch nội địa; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng, trải nghiệm văn hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với văn minh lúa nước sông Hồng; mở rộng phát triển du lịch sinh thái biển để đa dạng hóa sản phẩm du lịch và tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế.

- Phát triển du lịch phải dựa trên sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, sự ủng hộ của cộng đồng để phát huy nội lực cho phát triển du lịch. Quá trình phát triển du lịch phải gắn liền với nâng cao nhận thức về du lịch trong tất cả các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

## 2. Mục tiêu

### 2.1. Mục tiêu chung:

Phát triển du lịch đạt tốc độ nhanh, phấn đấu đến năm 2030, du lịch Thái Bình trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế chung với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ; sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng về văn hóa, sinh thái và biển, có thương hiệu, mang bản sắc văn hóa của Thái Bình, thân thiện với môi trường.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

#### 2.2.1. Về phát triển ngành:

- Tăng cường thu hút khách du lịch, tăng mức chi tiêu và kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch.

- Tăng nhanh nguồn thu từ du lịch. Phấn đấu đến năm 2020 tổng thu từ du lịch của tỉnh Thái Bình đạt khoảng 866 tỷ đồng; năm 2025 đạt khoảng 1.985 tỷ đồng; năm 2030 đạt khoảng 3.366 tỷ đồng.

- Đảm bảo phát triển số lượng cơ sở lưu trú phù hợp nhu cầu từng giai đoạn đi đôi với đẩy nhanh nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú.

- Phát triển sản phẩm chất lượng cao đi đôi với đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

+ Đến năm 2025, hoàn chỉnh Khu di tích Đền thờ và Lăng mộ các vua Trần, Khu di tích Chùa Keo thành điểm du lịch quốc gia và một số khu, điểm du lịch quan trọng khác như: Khu du lịch cộng đồng nông nghiệp nông thôn gắn với văn minh lúa nước sông Hồng, Côn Đen, Côn Vành để làm động lực phát triển du lịch toàn tỉnh.

+ Đến năm 2030, hoàn chỉnh hệ thống sản phẩm du lịch văn hóa, sinh thái theo định hướng phát triển không gian du lịch, góp phần khẳng định thương hiệu du lịch Thái Bình.

#### 2.2.2. Về văn hóa - xã hội:

- Góp phần bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa và cảnh quan.

- Tạo thêm nhiều việc làm, góp phần giảm nghèo và vươn lên làm giàu.

- Góp phần nâng cao dân trí và đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, đặc biệt đối với cộng đồng dân cư vùng nông thôn.

2.2.3. Về môi trường: Phát triển du lịch "xanh", du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm; gắn hoạt động du lịch với mục tiêu gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, sinh thái và bảo vệ môi trường.

2.2.4. Về quốc phòng, an ninh: Gắn phát triển du lịch với mục tiêu đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, góp phần ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng, an ninh, đặc biệt đối với vùng biển và ven biển.

## 3. Nội dung quy hoạch

### 3.1. Phát triển thị trường khách du lịch:

- Thị trường khách du lịch nội địa: Khách nội địa được định hướng là thị trường trọng điểm.

- Thị trường khách du lịch quốc tế: Tiếp tục duy trì thị trường khách truyền thống: Tây Âu; Úc; Bắc Mỹ. Đẩy mạnh phát triển thị trường gần, như: Đông Bắc Á và ASEAN. Mở rộng khai thác thị trường mới như: Bắc Âu, Đông Âu, Nam Âu và Newzealand...

### 3.2. Phát triển sản phẩm du lịch:

#### 3.2.1. Các dòng sản phẩm ưu tiên phát triển:

- Tham quan, nghiên cứu di tích lịch sử - văn hóa kết hợp giáo dục, tri ân.

- Lễ hội, tâm linh.

- Du lịch cộng đồng, trải nghiệm văn hóa gắn với văn minh lúa nước sông Hồng.

- Du lịch tham quan làng nghề truyền thống gắn với văn hóa ẩm thực và các đặc sản tự nhiên.

- Du lịch cuối tuần kết hợp sinh thái, nghỉ dưỡng, tắm biển.

- Các loại hình du lịch khác.

#### 3.2.2. Các sản phẩm du lịch đặc trưng:

- Điểm du lịch Đền Trần (khu mộ các vua Trần), khai thác gắn với cụm di tích Đình

- Đền - Bến Tượng, A Sào.

- Điểm du lịch Chùa Keo (tham quan nghiên cứu kiến trúc, nghệ thuật).

- Khu du lịch cộng đồng trải nghiệm nông nghiệp gắn với văn minh lúa nước sông Hồng.

- Khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ mát, tắm biển cuối tuần cồn Đen.

- Khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ mát, tắm biển cuối tuần cồn Vành.

#### 3.3. Tổ chức không gian du lịch:

##### 3.3.1. Hệ thống điểm du lịch:

- Các điểm du lịch quốc gia, vùng: Khu di tích Đền thờ và Lăng mộ các vua Trần, Chùa Keo.

- Các điểm du lịch địa phương.

##### 3.3.2. Hệ thống khu du lịch:

- Khu du lịch cộng đồng trải nghiệm nông nghiệp nông thôn văn minh lúa nước sông Hồng.

- Khu du lịch sinh thái Côn Vành.

- Khu du lịch sinh thái Côn Đen.

- Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Thụy Trường.

##### 3.3.3. Tổ chức các tuyến du lịch:

- Tuyến du lịch nội tỉnh.

- Tuyến du lịch liên tỉnh (thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc). Ngoài ra có thể phát triển tuyến du lịch Thái Bình - Hải Dương - Bắc Giang - các tỉnh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ theo quốc lộ 37.

3.3.4. Nhu cầu sử dụng quản lý tài nguyên phát triển du lịch: Nhu cầu sử dụng đất quản lý tài nguyên phát triển du lịch tỉnh Thái Bình được xác định là mức tối thiểu để đáp ứng yêu cầu phát triển các điểm du lịch quốc gia, điểm du lịch địa phương và các khu du lịch khác dựa trên tiêu chí được quy định tại Luật du lịch và khả năng phát triển thực tế của từng điểm, khu du lịch.

#### 3.4. Đầu tư phát triển du lịch:

##### 3.4.1. Tổng nhu cầu đầu tư và cơ cấu nguồn vốn:

- Nhu cầu đầu tư phát triển du lịch Thái Bình đến năm 2030 khoảng 8.080 tỷ đồng, trong đó từ nay đến năm 2025 khoảng 4.350 tỷ đồng. Cơ cấu nguồn vốn như sau:

+ Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả ODA và trái phiếu Chính phủ): Khoảng 810 tỷ đồng (tương đương 10%); trong đó từ nay đến năm 2025 khoảng 450 tỷ đồng.

+ Khu vực tư nhân (kể cả FDI): Khoảng 7.270 tỷ đồng, tương đương 90%, trong đó giai đoạn từ nay đến năm 2025 khoảng 3.900 tỷ đồng.

- Phân kỳ đầu tư:

+ Giai đoạn từ nay đến năm 2020: Nhu cầu vốn khoảng 1.330 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước khoảng 135 tỷ đồng.

+ Giai đoạn từ năm 2021 - 2025: Nhu cầu vốn khoảng 3.020 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước khoảng 315 tỷ đồng.

+ Giai đoạn sau năm 2025: Nhu cầu vốn khoảng 3.730 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước khoảng 360 tỷ đồng.

##### 3.4.2. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

- Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch.

- Đầu tư cho công tác nghiên cứu, triển khai.

- Đầu tư xúc tiến quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Thái Bình.

- Đầu tư phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường du lịch.

3.4.3. Các khu vực tập trung đầu tư: Thành phố Thái Bình và phụ cận; không gian du lịch dải ven biển; huyện Hưng Hà; các trung tâm phụ trợ như thị trấn Diêm Điền, Đông Châu...

#### 3.5. Hợp tác liên kết phát triển du lịch:

- Liên kết phát triển sản phẩm du lịch.

- Liên kết quảng bá, xúc tiến du lịch.

- Liên kết đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch bền vững.

- Hợp tác giữa các hiệp hội ngành nghề du lịch của các địa phương.



**4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư**

TT	Tên dự án	Địa điểm	Giai đoạn đầu tư
1	Phát triển Điểm du lịch quốc gia Khu di tích đền thờ và lăng mộ các vua Trần	Huyện Hưng Hà	Đến năm 2020
2	Phát triển chùa Keo thành điểm du lịch quốc gia	Huyện Vũ Thư	2021 - 2025
3	Phát triển Khu du lịch cộng đồng trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với văn minh lúa nước	TP. Thái Bình	2018-2025: Hoàn thành; Sau năm 2025: nâng cao chất lượng dịch vụ.
4	Phát triển Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển Cồn Vành	Huyện Tiên Hải	2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ
5	Phát triển Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển Cồn Đen	Huyện Thái Thụy	2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ.
6	Phát triển Khu du lịch sinh thái Thụy Trường	Huyện Thái Thụy	2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ.
7	Khu du lịch cộng đồng gắn với làng nghề Bách Thuận	Huyện Vũ Thư	2018-2025: Cơ bản hoàn thành; Sau năm 2025 hoàn thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ
8	Phát triển hệ thống khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí	Toàn tỉnh	Thực hiện trong suốt giai đoạn phát triển của quy hoạch (2017-2030)
9	Phát triển tuyến du lịch đường sông Trà Lý	Thành phố	2021 - 2025
10	Phát triển tuyến du lịch tham quan, trải nghiệm làng nghề (Chạm bạc Đồng Xâm, đũi Nam Cao, mây tre đan Thượng Hiền, Làng Khuốc, thêu Minh Lãng, bánh cày Nguyên Xá, chiếu Hới, đúc đồng An Lộng, thảm len Đại Đồng, đan mũ Tây An	Các làng nghề đặc trưng trên địa bàn tỉnh	Hoàn thiện trong giai đoạn 2017-2025
11	Chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Thái Bình		Thực hiện trong suốt giai đoạn phát triển của quy hoạch (2017-2030)
12	Chương trình xúc tiến quảng bá du lịch tỉnh Thái Bình		Thực hiện trong suốt giai đoạn phát triển của quy hoạch (2017-2030)
13	Chương trình tôn tạo, mở rộng hệ thống di tích lịch sử văn hóa phục vụ phát triển du lịch		2017 - 2025
14	Phát triển bảo tàng Thái Bình kết hợp Khu vui chơi giải trí tổng hợp	TP. Thái Bình	Đến năm 2020
15	Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông phục vụ phát triển du lịch	Trên địa bàn tỉnh theo các tuyến du lịch chính	2017 - 2025

**5. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

- 5.1. Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý.
- 5.2. Nhóm giải pháp về bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch đảm bảo phát triển du lịch bền vững.
- 5.3. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.
- 5.4. Nhóm giải pháp về phát triển sản phẩm.
- 5.5. Nhóm giải pháp về xúc tiến, quảng bá.
- 5.6. Nhóm giải pháp về ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác, liên kết phát triển du lịch.
- 5.7. Nhóm giải pháp về đầu tư, tài chính.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2017.

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc đổi tên thôn Lương Đống I thành tên thôn Hòa Bình, thuộc xã Đông Giang, huyện Đông Hưng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI, KỶ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 ngày 8 tháng 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 211/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đổi tên thôn Lương Đống I thành tên thôn Hòa Bình, thuộc xã Đông Giang, huyện Đông Hưng; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-BPC ngày 4 tháng 12 năm 2017 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đổi tên thôn Lương Đống I thành tên thôn Hòa Bình, thuộc xã Đông Giang, huyện Đông Hưng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua.

**NGHỊ QUYẾT**

**Đặt tên đường, tên phố trên địa bàn thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỶ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đặt tên đường, tên phố trên địa bàn thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đặt tên đường, tên phố trên địa bàn thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy. Cụ thể như sau:

- 1. Đặt tên đường (gồm 04 tuyến đường): Đường Nguyễn Đức Cảnh, đường 3 tháng 2, đường Phạm Ngũ Lão, đường Tạ Hiện;
- 2. Đặt tên phố (gồm 15 tuyến phố): Phố Quách Hữu Nghiêm, phố Ưông Sỹ Đoan, phố Bùi Quang Thận, phố Tạ Quốc Luật, phố Quách Đình Bảo, phố Nguyễn Công Định, phố Nguyễn Hương Dung, phố Tân Sơn, phố Vinh Trà, phố Trần Hưng Đạo, phố Trần Bá Giản, phố Lê Cương Xuyên, phố Thanh Xuân, phố Cách Mạng Tháng Tám, phố Phạm Thế Hiển.

(Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017.



Thị trấn Diêm Điền (Thái Thụy).





Thành phố Thái Bình.

## NGHỊ QUYẾT

### Đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thái Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;  
Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Đặt tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Thái Bình. Cụ thể như sau:

- Đặt tên đường (gồm 04 tuyến đường): Đường Đại Phú, đường Vũ Phúc, đường Vũ Chính, đường Vũ Lạc;
- Đặt tên phố (gồm 06 tuyến phố): Phố Phạm Quang Lịch, phố Bùi Thị Xuân, phố Triệu Quang Phục, phố Kỳ Bá, phố Bế Văn Đàn, phố Sa Cát;
- Đặt tên công trình công cộng - 01 cây cầu: Cầu Quảng Trường Thái Bình;
- Đặt tên đường nội bộ trong khu đô thị và dân cư mới: 126 đường;
- Điều chỉnh phố Kỳ Đồng cũ.  
(Có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017.

## NGHỊ QUYẾT

### Về chương trình công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;  
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;  
Căn cứ Quy chế hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét Tờ trình số 02/TTr-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân

tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua chương trình công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018 (có văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều hòa hoạt động các Ban, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật, báo cáo kết quả công tác tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

## NGHỊ QUYẾT

### Về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;  
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;  
Căn cứ Quy chế hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét Tờ trình số 03/TTr-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021:

- Về số lượng kỳ họp thường lệ: Năm 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI tổ chức họp 02 kỳ (kỳ họp thứ sáu và kỳ họp thứ bảy).
- Chương trình các kỳ họp thường lệ: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, thực tế thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến nội dung chương trình kỳ họp thứ sáu và kỳ họp thứ bảy của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Thời gian tiến hành kỳ họp thường lệ:
  - Kỳ thứ sáu: dự kiến từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2018.
  - Kỳ thứ bảy: dự kiến từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 12 năm 2018.

**Điều 2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.